TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2021/QĐST - HNGĐ	*Yên Mô, ngày 26 tháng 03 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ thụ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2021/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1986

Địa chỉ: SN 43B, đường 2, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm D xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 03 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 03 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Thiện M, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Phạm Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T

mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 04/2021 cho đến khi cháu Phạm Nguyễn Thiện Minh thành niên.

Anh T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung; chị T không được cản trở anh T1 trong việc trông nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày chị T có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T1 không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2.2 Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Văn T1 thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Án phí dân sự sơ thẩm:

- *Về án phí ly hôn:* Chị Nguyễn Thị Thu T nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002405 ngày 03/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Hoàn trả lại cho chị T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- *Về án cấp dưỡng nuôi con:* Anh Phạm Văn T1 phải án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Yên Mô;*
- *Chi cục THADS huyện Yên Mô;*
- *UBND phường P;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa